

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HS-ST

Ngày: 03/02/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bé Em
2. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang (Hội phụ nữ)

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Chí - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2025/TLST-HS ngày 26/12/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-HS ngày 09/01/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc D, sinh ngày 25/7/1997 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Khu phố P, phường P, tỉnh Vĩnh Long; căn cước công dân số: 083097012683; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Có 03 tiền án.

- Ngày 30/8/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2018).

- Ngày 27/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/6/2019).

- Ngày 13/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/02/2025).

Tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 04/02/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/6/2016).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp H, xã G, tỉnh Vĩnh Long.
Có mặt

2. Nguyễn Hoàng L1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long.
Có mặt

3. Đoàn Văn B, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

4. Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp A, xã G, tỉnh Vĩnh Long.
Có mặt

5. Cao Thị Tuyết M, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long.
Vắng mặt

6. Nguyễn Minh T1, sinh năm 2011; nơi cư trú: Ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long.
Vắng mặt

Đại diện hợp pháp và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Minh T1: Nguyễn Thị Diễm T2, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Lâm Hiền D1, sinh năm 2003; nơi cư trú: khu phố A, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

2. Phạm Thúy O, sinh năm 1987; nơi cư trú: Khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

3. Trần Văn B1, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

4. Phạm Minh T3, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp T, xã G, tỉnh Vĩnh Long.
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt, do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên từ ngày 03/7/2025 đến 07/7/2025, Nguyễn Quốc D (có 03 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản) đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 05 lần và lừa đảo chiếm đoạt tài sản 01 lần trên địa bàn xã G, tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: khoảng 08 giờ ngày 03/7/2025, ông Nguyễn Ngọc L điều khiển xe mô tô Biển số 67L1 - 205.73 đi từ nhà đến vườn dừa ở cùng địa chỉ. Khi đến nơi, ông L dựng xe mô tô cập lộ bê tông mở cổng rào đi vào bên trong vườn nhưng quên rút chìa khóa xe. Lúc này, Nguyễn Quốc D đang đi bộ trên đường tìm tài sản lấy

trộm, phát hiện xe mô tô của ông L có gắn sẵn chìa khóa, không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. D lén lút khởi động xe mô tô chạy đến quán cà phê gần ngã tư T thuộc phường P, tỉnh Vĩnh Long bán cho một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ được số tiền 1.500.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết (xe mô tô không thu hồi được).

Tại Kết luận định giá tài sản số 212/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2025 của Hội đồng định giá tỉnh Vĩnh Long kết luận 01 xe mô tô Biển số 67L1 - 205.73, nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu giá trị 8.166.000 đồng .

Vụ thứ hai: khoảng 19 giờ ngày 05/07/2025, ông Nguyễn Hoàng L1 điều khiển xe mô tô Biển số 71B3 - 932-37 đến nhà cha vợ là ông Nguyễn Quốc T4 ở ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long. Khi đến nơi L1 dựng xe mô tô trên thềm nhà nhưng không rút chìa khóa. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Quốc D đi đến khu vực trên phát hiện xe mô tô dựng trên thềm nhà, có gắn sẵn chìa khóa và không thấy người trông coi nên D nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô. D liền dẫn xe mô tô ra khởi động đi đến tiệm sửa xe “Tùng Duy” bán cho bà Lâm Hiền D1 được số tiền 5.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ do Lâm Hiền D1 giao nộp: 01 xe mô tô Biển số 71B3 - 932.37, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen bạc, số máy: JA39E1001676, số khung: 3917KY144406.

Tại Kết luận định giá tài sản số 210/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2025 của Hội đồng định giá tỉnh Vĩnh Long kết luận 01 xe mô tô Biển số 71B3 - 932.37, nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc giá trị 8.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: khoảng 15 giờ ngày 06/7/2025, ông Đoàn Văn B dựng xe mô tô Biển số 51L6 - 3981 cập lộ trước nhà, rút chìa khóa xe bỏ vào trong cốp xe và đi vào trong nhà. Lúc này, Nguyễn Quốc D đang đi bộ trên đường hướng từ ấp P về vòng xoay G thì phát hiện xe mô tô của ông B đang đậu cập lộ, quan sát không thấy người trông coi nên D nảy sinh ý định lấy trộm. D tiếp cận, không thấy chìa khóa xe nên đã dùng tay mở yên xe lên xem phát hiện có chìa khóa xe trong cốp xe nên gắn vào điều khiển xe tẩu thoát. D chạy xe đến quán cà phê của Phạm Thúy O mượn số tiền 500.000 đồng và để lại xe mô tô ở tại quán.

Vật chứng thu giữ do Nguyễn Quốc D giao nộp: 01 xe mô tô Biển số 51L6 - 3981, nhãn hiệu Toxic, màu xanh, số máy: MHT-00001944, số khung: ND51E-01944.

Tại Kết luận định giá tài sản số 204/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2025 của Hội đồng định giá tỉnh Vĩnh Long kết luận 01 xe mô tô Biển số 51L6 - 3981, nhãn hiệu Toxic, màu xanh giá trị 1.616.000 đồng.

Vụ thứ tư: khoảng 17 giờ ngày 06/7/2025, ông Nguyễn Ngọc V dựng xe mô tô Biển số 71S5 - 2662 trước cửa nhà nhưng vẫn để chìa khóa trên xe. Đến khoảng 02 giờ, ngày 07/7/2025, Nguyễn Quốc D đi bộ dọc theo tuyến lộ trên địa bàn xã G để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi ngang nhà ông V, D phát hiện xe mô tô có gắn sẵn chìa

khóa không người trông coi. D liền đi vào dẫn xe mô tô ra ngoài, khởi động xe mô tô và tẩu thoát.

Tại Kết luận định giá tài sản số 206/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2025 của Hội đồng định giá tỉnh Vĩnh Long kết luận 01 xe mô tô Biển số 71S5 - 2662, nhãn hiệu DYOR, màu đỏ đen giá trị 1.600.000 đồng.

Vụ thứ năm: khoảng 03 giờ ngày 07/7/2025, sau khi D lấy trộm được xe mô tô Biển số 71S5 - 2662 của ông Nguyễn Ngọc V. Khi đến ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long thì phát hiện xe mô tô Biển số 54Z8 - 0490 của bà Cao Thị Tuyết M đang dựng cập lộ, trên xe vẫn còn chìa khóa. Do xe mô tô Biển số 71S5 - 2662 bị hư cở, khó chạy nên D nảy sinh ý định lấy trộm xe biển số 54Z8 - 0490 và bỏ lại xe mô tô 71S5 - 2662. D liền mở khóa khởi động xe mô tô biển số 54Z8 - 0490 và chạy đến quán cà phê của Phạm Thúy O mượn số tiền 1.500.000 đồng và để lại xe mô tô biển số 54Z8 - 0490 ở tại quán. D lấy 550.000 đồng để chuộc lại xe mô tô biển số 51L6 - 3981 đã trộm vào ngày 06/7/2025 tại ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long để làm phương tiện đi lại, còn lại số tiền 950.000 đồng D đã tiêu xài hết. Khoảng 07 giờ ngày 07/7/2025, D chạy xe mô tô biển số 51L6 - 3981 đến dựng trước Phòng số 5, nhà T thuộc ấp A, xã G, tỉnh Vĩnh Long để tìm Phạm Minh T3 là bạn của D thì bị Công an xã G kiểm tra hành chính. D đã khai nhận hành vi trộm xe mô tô Biển số 51L6 - 3981 và tự khai nhận các vụ trộm xe và lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác.

Cao Thị Tuyết M giao nộp: 01 xe mô tô Biển số 71S5 - 2662, nhãn hiệu Dyor, màu đỏ đen, số máy: FMH-0000822, số khung: RS51-000822.

Phạm Thúy O giao nộp: 01 xe mô tô Biển số 54Z8 - 0490, nhãn hiệu Honda, màu xanh lục đen, số máy: C09E-5338894, số khung: 9057Y-238810.

Tại Kết luận định giá tài sản số 202/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2025 của Hội đồng định giá tỉnh Vĩnh Long kết luận 01 xe mô tô Biển số 54Z8 - 0490, nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh giá trị 1.733.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng 14 giờ ngày 04/07/2025, Nguyễn Quốc D đi bộ từ Quốc lộ E vào khu vực Cụm C thuộc ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long, phát hiện xe đạp điện màu xanh của Nguyễn Minh T1, sinh năm 2011, Đăng ký thường trú: ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long. D có ý định trộm nhưng do T1 đang câu cá ở gần đó không thể lấy được nên D đã giả vờ xin T1 cùng đi câu cá, T1 đồng ý và đưa xe cho D chở đi tìm chỗ câu cá. Khi đi một đoạn D nói mượn xe của T1 để đi mua nước, T1 tin là thật nên đồng ý. D lấy xe đạp điện của T1 đem bán cho Phạm Minh T3 lấy số tiền 700.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, T3 bán lại xe đạp điện nêu trên cho ông Trần Văn B1 với giá 1.200.000 đồng.

Vật chứng thu giữ do Trần Văn B1 giao nộp: 01 xe đạp điện màu xanh dương, sườn xe có hoa văn màu bạc đen, bình điện màu đen có hoa văn màu đỏ bạc, xe không có dè chắn bùn bánh trước, không có rô trước.

Tại Kết luận định giá tài sản số 208/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2025 của Hội đồng định giá tỉnh Vĩnh Long kết luận 01 xe đạp điện màu xanh giá trị 1.066.000 đồng.

Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu bị hại Nguyễn Hoàng L1 01 xe mô tô Biển số 71B3 - 932.37, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen bạc, số máy: JA39E1001676, số khung: 3917KY144406 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; trả lại cho bị hại Cao Thị Tuyết M 01 xe mô tô Biển số 54Z8 - 0490, nhãn hiệu Honda, màu xanh lục đen, số máy: C09E-5338894, số khung: 9057Y-238810 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; trả lại cho bị hại Nguyễn Ngọc V 01 xe mô tô Biển số 71S5 - 2662, nhãn hiệu Dyor, màu đỏ đen, số máy: FMH-0000822, số khung: RS51-000822 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; trả lại cho bị hại Nguyễn Minh T1 01 xe đạp điện màu xanh dương, sườn xe có hoa văn màu bạc đen, bình điện màu đen có hoa văn màu đỏ bạc, xe không có dè chắn bùn bánh trước, không có rổ trước.

Đối với xe mô tô Biển số 51L6 - 3981 do Phương Vĩnh Ngọc M1, Đăng ký thường trú: 690/32B, N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Đoàn Văn B trình bày mua lại của M1, Cơ quan điều tra đã xác minh hiện M1 không có mặt tại địa phương và đi đâu làm gì không rõ nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xe mô tô nêu trên xác minh làm rõ xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra bị hại Nguyễn Ngọc L yêu cầu Nguyễn Quốc D bồi thường giá trị xe mô tô Biển số 67L1 - 205.73 theo định giá 8.166.000 đồng. D đồng ý bồi thường nhưng chưa có tiền bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lâm Hiền D1 yêu cầu Nguyễn Quốc D bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thúy O không yêu cầu Nguyễn Quốc D bồi thường số tiền 1.500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn B1 không yêu cầu Nguyễn Quốc D và Phạm Minh T3 bồi thường số tiền 1.200.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 31/CT-VKSKV5 ngày 26/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai nhận nội dung như Bản cáo trạng đã nêu và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Hiền D1 trình bày: khi nhận cầm cố xe của bị cáo chị không biết xe do bị cáo phạm tội mà có, khi được công an thông báo thì chị đã giao nộp lại xe, chị không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã cầm cố xe do bị cáo phạm tội mà có đã bị thu hồi.

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

1. Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 02 năm 6 tháng tù đến 03 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 174; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội để buộc bị cáo chấp hành chung.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu gồm:

- Trả lại cho bị hại Nguyễn Hoàng L1 01 xe mô tô Biển số 71B3 - 932.37, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen bạc, số máy: JA39E1001676, số khung: 3917KY144406 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô;

- Trả lại cho bị hại Cao Thị Tuyết M 01 xe mô tô Biển số 54Z8 - 0490, nhãn hiệu Honda, màu xanh lục đen, số máy: C09E-5338894, số khung: 9057Y-238810 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô;

- Trả lại cho bị hại Nguyễn Ngọc V 01 xe mô tô Biển số 71S5 - 2662, nhãn hiệu Dyor, màu đỏ đen, số máy: FMH-0000822, số khung: RS51-000822 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô;

- Trả lại cho bị hại Nguyễn Minh T1 01 xe đạp điện màu xanh dương, sườn xe có hoa văn màu bạc đen, bình điện màu đen có hoa văn màu đỏ bạc, xe không có dè chắn bùn bánh trước, không có rổ trước.

- Giao xe mô tô Biển số 51L6 - 3981 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V tiếp tục xác minh, làm rõ chủ sở hữu để xử lý theo thẩm quyền.

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc L số tiền 8.166.000 đồng.

Ghi nhận: ông Trần Văn B1 không yêu cầu Nguyễn Quốc D và Phạm Minh T3 bồi thường số tiền 1.200.000 đồng; bà Lâm Hiền D1 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng; bà Phạm Thúy O không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đồng

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính nên trong khoảng thời gian từ ngày 03/7/2025 đến ngày 07/7/2025, Nguyễn Quốc D có 03 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 05 lần trên địa bàn xã G, tỉnh Vĩnh Long cụ thể như sau:

- Ngày 03/7/2025, tại ấp H, xã G, D lấy trộm của ông Nguyễn Ngọc L 01 xe mô tô Biển số 67L1 - 205.73, nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu giá trị 8.166.000 đồng.

- Ngày 05/7/2025, tại ấp L, xã G, D lấy trộm của ông Nguyễn Hoàng L1 01 xe mô tô Biển số 71B3 - 932.37, nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc giá trị 8.500.000 đồng.

- Ngày 06/7/2025, tại ấp P, xã G, D lấy trộm của ông Đoàn Văn B 01 xe mô tô Biển số 51L6 - 3981, nhãn hiệu Toxic, màu xanh giá trị 1.616.000 đồng.

- Ngày 07/7/2025, tại ấp A, xã G, D lấy trộm của ông Nguyễn Ngọc V 01 xe mô tô Biển số 71S5 - 2662, nhãn hiệu DYOR, màu đỏ đen giá trị 1.600.000 đồng.

- Ngày 07/7/2025, tại ấp P, xã G, D lấy trộm của bà Cao Thị Tuyết M 01 xe mô tô Biển số 54Z8 - 0490, nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh giá trị 1.733.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 21.615.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 04/7/2025, tại ấp L, xã G, Nguyễn Quốc D có ý định chiếm đoạt 01 xe đạp điện màu xanh của Nguyễn Minh T1, sinh năm 2011 giá trị 1.066.000 đồng nên giả vờ mượn xe của T1 sau đó mang xe đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 21.615.000 đồng), 01 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 1.066.000 đồng), giá trị tài sản chiếm đoạt dưới 50.000.000 đồng. Bị cáo không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, bị cáo trộm cắp tài sản để làm nguồn thu nhập nuôi sống bản thân, bị cáo có 03 tiền án, đã bị áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm nên lần phạm tội này của bị cáo là “Tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân Khu vực 5-Vĩnh Long truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản và dùng thủ đoạn gian dối để bị hại tin tưởng giao tài sản cho bị cáo để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã 03 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp giật tài sản” chưa được xóa án tích, có 01 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” đã xóa án tích. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: đối với tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo phải chịu tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội tự thú” do khi Công an tiến hành kiểm tra hành chính phòng của Phạm Minh T3 thì bị cáo đã tự khai nhận tất cả các hành vi phạm tội của bị cáo, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Bị cáo bị kết án về hai tội nên áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội để buộc bị cáo chấp hành chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu gồm:

- Bị hại Nguyễn Hoàng L1 01 xe mô tô Biển số 71B3 - 932.37, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen bạc, số máy: JA39E1001676, số khung: 3917KY144406 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô;

- Bị hại Cao Thị Tuyết M 01 xe mô tô Biển số 54Z8 - 0490, nhãn hiệu Honda, màu xanh lục đen, số máy: C09E-5338894, số khung: 9057Y-238810 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; Bị hại Nguyễn Ngọc V 01 xe mô tô Biển số 71S5 - 2662, nhãn hiệu Dyor, màu đỏ đen, số máy: FMH-0000822, số khung: RS51-000822 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô;

- Bị hại Nguyễn Minh T1 01 xe đạp điện màu xanh dương, sườn xe có hoa văn màu bạc đen, bình điện màu đen có hoa văn màu đỏ bạc, xe không có dè chắn bùn bánh trước, không có rổ trước.

Đối với xe mô tô Biển số 51L6 - 3981 chưa rõ chủ sở hữu hợp pháp nên giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V tiếp tục xác minh, làm rõ chủ sở hữu để xử lý theo thẩm quyền.

[8] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Ghi nhận chị O, chị D1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mua tài sản của bị cáo bán đã bị thu hồi.

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc L số tiền 8.166.000 đồng là giá trị tài sản bị cáo đã trộm của ông L nhưng không thu hồi được.

Ghi nhận: ông Trần Văn B1 không yêu cầu Nguyễn Quốc D và Phạm Minh T3 bồi thường số tiền 1.200.000 đồng.

[9] Đối với Phạm Minh T3 khi nhận mua 01 xe đạp điện của D sau đó bán lại cho Trần Văn B1, T3 và B1 không hứa hẹn, bàn bạc trước với D là sẽ mua tài sản do D phạm tội mà có, T3 và B1 không biết xe đạp điện do D trộm cắp mà có, nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T3 và B1 về tội Trộm cắp tài sản theo Điều 173 Bộ luật Hình sự vai trò đồng phạm hoặc tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với Phạm Thúy O khi nhận cầm xe mô tô Biển số 51L6 - 3981 và xe mô tô Biển số 54Z8 - 0490 từ bị can D, O không hứa hẹn, bàn bạc trước với D là sẽ mua tài sản do D phạm tội mà có, O không biết xe mô tô do D trộm cắp mà có, nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với O về tội Trộm cắp tài sản theo Điều 173 Bộ luật Hình sự vai trò đồng phạm hoặc tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với Lâm Hiền D1 khi nhận cầm xe mô tô Biển số 71B3 - 932.37 từ bị can D, D1 không hứa hẹn, bàn bạc trước với D là sẽ mua tài sản do D phạm tội mà có, D1 không biết xe mô tô do D trộm cắp mà có, nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D1 về tội Trộm cắp tài sản theo Điều 173 Bộ luật Hình sự vai

trò đồng phạm hoặc tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ phải bồi thường nên phải chịu theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc D phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

1.1 Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù.

1.2 Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 174; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm I khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội để buộc bị cáo chấp hành chung là 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2025.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Giao 01 xe mô tô Biển số 51L6 - 3981, nhãn hiệu Toxic, màu xanh, số máy: MHT-00001944, số khung: ND51E-01944 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V tiếp tục xác minh, làm rõ chủ sở hữu để xử lý theo thẩm quyền. *(Vật chứng hiện Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5-Vĩnh Long quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/01/2026).*

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc L số tiền 8.166.000 (tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn)

đồng. Án phí dân sự sơ thẩm là 408.000 (bốn trăm linh tám nghìn) đồng. Tổng án phí bị cáo phải nộp là 608.000 (sáu trăm linh tám nghìn) đồng.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV5-Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THA dân sự KV5-Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND phường Phú Tân (1b);
- Bị cáo, NTGTT (15b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình